

Bản án số: 1734/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 29/12/2017

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Tám

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Thành Viên

Bà Phạm Thị Thu Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thảo Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1185/2017/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2017 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2017/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2017/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Bảo L, sinh năm 1980; cư trú tại: Đường L, Phường Q, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: đường H, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Văn Thị Minh T, sinh năm 1982; cư trú tại: Đường L, Phường Q, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 8 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lê Bảo L trình bày:

Anh Lê Bảo L và chị Văn Thị Minh T tự nguyện quen biết, tìm hiểu, yêu thương nhau từ năm 2005 đến năm 2009 và kết hôn với nhau, được Ủy ban nhân dân Phường C, thành phố D, tỉnh Phú Yên cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 56, quyền số 01/2009 ngày 20 tháng 7 năm 2009. Anh L và chị T không có con chung.

Trong quá trình vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2012 thì anh L và chị T chuyển vào Sài Gòn sinh sống tại địa chỉ: đường L, Phường Q, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó, cuộc sống của vợ chồng anh L và chị T phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh chị bất đồng quan điểm sống và không có con chung. Anh L muốn có con, muốn được làm cha. Anh L không còn yêu thương chị T nữa. Anh chị chỉ sống trên danh nghĩa vợ chồng, không lo lắng cho nhau nữa. Anh L đã chuyển ra ngoài sống từ tháng 7/2017 đến nay, anh chị đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau nữa. Thời gian từ đó đến nay, anh L thấy tình cảm giữa vợ chồng anh chị không thể hàn gắn, không sống hòa hợp hạnh phúc được nên anh nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị T để tạo cho mỗi người cơ hội mới, ổn định cuộc sống về sau.

Trong quá trình vợ chồng anh L và chị T chung sống có mâu thuẫn thì hàng xóm và chính quyền địa phương nơi vợ chồng anh chị cư trú không ai biết. Vợ chồng anh cũng không nhờ hàng xóm và chính quyền địa phương can thiệp, giải quyết mâu thuẫn cho hai vợ chồng vì anh cho rằng đây là việc nội bộ riêng trong gia đình, anh không muốn người ngoài biết.

Nếu ly hôn:

Về con chung: Không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Lê Bảo L và chị Văn Thị Minh T tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản của Tòa triệu tập chị Văn Thị Minh T đến Tòa để trình bày ý kiến. Chị Văn Thị Minh T có đến Tòa viết bản tự khai ngày 15/9/2017 trình bày chị và anh L tự nguyện quen nhau, tìm hiểu và yêu thương nhau từ năm 2004 đến năm 2009 thì tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường C, thành phố D, tỉnh Phú Yên. Anh L và chị T chung sống hạnh phúc đến tháng 7/2017, anh L đột ngột dọn ra ngoài ở khi chị T không có ở nhà và nộp đơn khởi kiện ly hôn với chị. Chị T xác định lý do anh L đưa ra là do

hai vợ chồng không có con chung là đúng nhưng điều này anh chị đã thỏa thuận với nhau là anh chị không quan tâm đến việc có con, chỉ cần sống chung với nhau là được. Chị T rất bất ngờ khi anh L nói hết tình cảm với chị trong khi trước đó anh L luôn hứa yêu thương chị T và có trách nhiệm với chị. Do đó, chị T không đồng ý ly hôn với anh L.

Sau đó, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản của Tòa triệu tập chị Văn Thị Minh T đến Tòa để tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử nhưng chị Văn Thị Minh T không đến, do đó Tòa án không tiến hành hòa giải giữa các bên đương sự được.

Sau khi nhận Quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh L trình bày anh vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, anh yêu cầu được ly hôn với chị T; về tài sản chung và nợ chung thì tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Sau đó anh L nộp đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh do anh bận công việc.

Tại phiên tòa: Anh L có đơn xin vắng mặt, chị T vắng mặt.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về ly hôn, chị T cư trú ở quận G nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng người tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của anh L xin ly hôn với chị T là có cơ sở nên Viện kiểm sát nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh L, công nhận anh L được ly hôn với chị T, con chung không có, tài sản chung và nợ chung tự thỏa thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Quan hệ tranh chấp giữa anh Lê Bảo L và chị Văn Thị Minh T là ly hôn.

Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là chị T có địa chỉ cư trú tại đường L, Phường Q, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về người tham gia tố tụng: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập đương sự triệu tập chị T tới Tòa án để giải quyết vụ án nhưng chị T chỉ đến Tòa án viết bản tự khai rồi sau đó chị T không đến Tòa án để giải quyết vụ án nữa.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa kèm Giấy triệu tập đương sự triệu tập chị Văn Thị Minh T tham gia phiên tòa xét xử, nhưng tại phiên tòa hôm nay chị Văn Thị Minh T vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn chị Văn Thị Minh T.

Anh L có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh L.

[2]. Về yêu cầu của các đương sự:

Anh Lê Bảo L yêu cầu ly hôn với chị Văn Thị Minh T. Hôn nhân giữa anh L và chị T là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp, được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 56, quyển số 01/2009 ngày 20 tháng 7 năm 2009 của Ủy ban nhân dân Phường C, thành phố D, tỉnh Phú Yên.

Anh L trình bày trong quá trình vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2012 thì anh L và chị T chuyển vào Sài Gòn sinh sống tại địa chỉ đường L, Phường Q, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó, cuộc sống của vợ chồng anh L và chị T phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh chị bất đồng quan điểm sống và không có con chung. Anh L muốn có con, muốn được làm cha. Anh L không còn yêu thương chị T nữa. Anh chị chỉ sống trên danh nghĩa vợ chồng, không lo lắng cho nhau nữa. Anh L đã chuyển ra ngoài sống từ tháng 7/2017 đến nay, anh chị đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau nữa. Thời gian từ đó đến nay, anh L thấy tình cảm giữa vợ chồng anh chị không thể hàn gắn, không sống hòa hợp hạnh phúc được nên anh nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị T để tạo cho mỗi người cơ hội mới, ổn định cuộc sống về sau.

Chị Văn Thị Minh T có đến Tòa viết bản tự khai ngày 15/9/2017 trình bày chị và anh L tự nguyện quen nhau, tìm hiểu và yêu thương nhau từ năm 2004 đến năm

2009 thì tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường C, thành phố D, tỉnh Phú Yên. Anh L và chị T chung sống hạnh phúc đến tháng 7/2017, anh L đột ngột dọn ra ngoài ở khi chị T không có ở nhà và nộp đơn khởi kiện ly hôn với chị. Chị T xác định lý do anh L đưa ra là do hai vợ chồng không có con chung là đúng nhưng điều này anh chị đã thỏa thuận với nhau là anh chị không quan tâm đến việc có con, chỉ cần sống chung với nhau là được. Chị T rất bất ngờ khi anh L nói hết tình cảm với chị trong khi trước đó anh L luôn hứa yêu thương chị T và có trách nhiệm với chị. Do đó, chị T không đồng ý ly hôn với anh L.

Tòa án đã xác minh tình trạng hôn nhân, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng giữa anh L và chị T tại Ủy ban nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội liên hiệp phụ nữ Phường Q, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, kết quả xác minh xác nhận chị T không tham gia sinh hoạt Hội phụ nữ tại địa phương nên Hội phụ nữ không nắm rõ tình trạng cuộc sống vợ chồng của chị T với anh L, Ủy ban nhân dân quận G cũng xác nhận anh L và chị T không có con chung.

Xét thấy, hôn nhân chỉ đạt được mục đích khi xuất phát từ tình thương yêu giữa hai vợ chồng, cùng vun đắp, chăm sóc lẫn nhau để xây dựng một gia đình hạnh phúc. Thực tế, giữa anh L và chị T đã không còn chung sống với nhau. Anh L mong muốn có con nhưng giữa anh với chị T không có con. Anh L thấy tình cảm giữa vợ chồng anh không thể hàn gắn, anh L không còn yêu thương chị T nữa nên anh nộp đơn khởi kiện ly hôn. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản của Tòa án triệu tập chị T đến Tòa án để hòa giải đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh L nhưng chị T chỉ đến Tòa một lần để viết bản tự khai trình bày giữa chị T và anh L không có con chung và anh chị đã thỏa thuận với nhau là anh chị không quan tâm đến việc có con, chỉ cần sống chung với nhau là được, anh L đã luôn hứa yêu thương chị nên chị T không đồng ý ly hôn với anh L, sau đó chị T không đến Tòa nữa. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa anh L và chị T đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, anh chị thực sự không quan tâm đến nhau nữa, chị T cũng không muốn hòa giải đoàn tụ để hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh L nữa nên chị T đã không đến Tòa. Do đó, yêu cầu ly hôn của anh L với chị T là có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích trên cho thấy cuộc sống vợ chồng giữa anh L và chị T hoàn toàn không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu xin ly hôn của anh L với chị T là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh L với chị T.

Về con chung: Quá trình chung sống, anh L và chị T không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh L với chị T tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh L phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Luật án phí, lệ phí Tòa án.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh về quan hệ hôn nhân của anh L với chị T, con chung, tài sản chung, nợ chung là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử thống nhất.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật án phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Bảo L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Bảo L được ly hôn với chị Văn Thị Minh T. Giấy chứng nhận kết hôn số 56, quyền số 01/2009 của Ủy ban nhân dân Phường C, thành phố D, tỉnh Phú Yên cấp ngày 20 tháng 7 năm 2009 không còn hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Không có con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Lê Bảo L và chị Văn Thị Minh T tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Lê Bảo L phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng anh Lê Bảo L đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0027374 ngày 25 tháng 8 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Anh Lê Bảo L đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Lê Bảo L, bị đơn chị Văn Thị Minh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát ND quận G;
- Thi hành án DS quận G;
- Ủy ban nhân dân Phường C, thành phố D;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đặng Thị Tám